TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2023/DS-PT
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 tháng 7 và 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phan Công K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Phan Công K

Chị L, ông K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Bà P có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 205m^2, thuộc thửa 1738, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 580.000.000 đồng. Ngày 20/05/2021, hai bên làm hợp đồng đặt cọc giao nhận số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi chuyển thổ xong thì ông K sẽ giao đủ, tiền phí chuyển thổ hai bên chia theo mỗi nền. Bà P giao toàn bộ giấy tờ cho ông K làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Sau đó, ông K không chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất được do có Công văn số 9251/CNVPĐKĐ ĐHCL-KTĐC ngày 07/7/2022 về việc thực hiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C chưa có văn bản của các ngành huyện về hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên trả hồ sơ lại hồ sơ cho bà P. Do đó, việc thực hiện chuyển nhượng giữa hai bên không thực hiện được. Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021 giữa bà P với ông Phan Công K là vô hiệu (hủy hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021); bà P đồng ý liên đới cùng với ông Đặng Thanh T trả lại số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng cho ông K; còn đối với yêu cầu phản tố của ông K thì bà P không đồng ý. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà P đồng ý cùng với ông Đặng Thanh T hỗ trợ cho ông K số tiền 5.000.000đồng. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện nay bà P đang giữa bản chính, không cầm cố hay thế chấp cho ai. Ngoài ra, bà P không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Công K trình bày: Ngày 20/5/2021, ông K và bà P có lập hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng diện tích đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 738, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và ông K đã giao cho bà P số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng. Nay ông K đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021 (yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021 giữa bà P với ông K là vô hiệu); ông K yêu cầu bà P bồi thường hợp đồng cho ông K gấp 03 lần theo như thỏa thuận với số tiền 120.000.000 đồng. Ngoài ra, ông K không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Ông Đặng Thanh T là chồng của bà P; ông T đồng ý theo nội dung trình bày của bà P, ông T cũng yêu cầu tuyên bố hợp đồng

đặt cọc ngày 20/5/2021 giữa bà P với ông K là vô hiệu (hủy hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021) và ông T cũng đồng ý liên đới cùng với bà P trả lại số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng và đồng ý hỗ trợ 5.000.000 đồng cho ông K. Ngoài ra, ông T không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng các 116, 117, 123, 131, 328, 429, 500, 501, 503 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 39, 147, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P và yêu cầu độc lập của ông T.

Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2021 bị vô hiệu (hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2021).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K về việc yêu cầu bà P bồi thường gấp 03 lần số tiền đặt cọc theo như thỏa thuận với số tiền 120.000.000đồng.

Bà P và ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông K số tiền đã đặt cọc 40.000.000đồng và số tiền tự nguyện hỗ trợ 5.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ và án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 ông Phan Công K kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021 giữa ông K và bà P. Yêu cầu bà P và ông T bồi thường gấp 03 lần tiền cọc với số tiền là 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị Kim P chị Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông K. Bà P và ông T là vợ chồng, diện tích đất thửa 1738 là tài sản chung của vợ chồng. Khi ông T ký hợp đồng đặt cọc không có mặt bà P, sau đó bà P biết việc thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà P cũng đồng ý thực hiện hợp đồng. Khi thỏa thuận đặt cọc hai bên đều biết diện tích đất chuyển nhượng không đủ diện tích tách thửa nhưng ông K yêu cầu giao hồ sơ cho ông K đi làm thủ tục và cam kết sẽ thực hiện được. Việc này hai bên thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng và không có thỏa thuận về xác định lỗi và hậu quả về số tiền đặt cọc trong trường hợp không tách thửa được. Còn Điều 3 của hợp đồng thỏa thuận lỗi khi có đủ điều kiện chuyển nhượng mà một trong

hai bên không thực hiện mới phải bồi thường. Sau đó bà P ủy quyền cho ông K đi làm thủ tục chuyển thổ để tách thửa chuyển nhượng đất cho ông K và thỏa thuận khi nào chuyển thổ xong sẽ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Tại Công văn số 9251/CNVPĐKĐ ĐHCL-KTĐC ngày 07/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C không cho tách thửa vì không đủ diện tích và bà P không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với ông K nên bà P yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho tách thửa thì bà P đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất với ông K.

Ông Phan Công K trình bày: Ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lúc thỏa thuận có mặt bà P nhưng nghĩ bà P và ông T là vợ chồng, ai ký cũng được nên không yêu cầu bà P ký tên vào hợp đồng đặt cọc. Hợp đồng do ông K soạn theo mẫu và chữ viết trên hợp đồng là của ông. Ông K đã tìm hiểu và biết diện tích 205m^2 đất không đủ diện tích để tách thửa đất theo quy định nên mới thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng là sau khi chuyển thổ xong ông K mới giao số tiền còn lại cho bà P, ông T, không có thỏa thuận nếu không tách thửa được thì giải quyết số tiền cọc như thế nào, lỗi của ai và hợp đồng đặt cọc sẽ xử lý thế nào. Đối với Điều 3 của hợp đồng xác định lỗi bồi thường khi đủ điều kiện để chuyển nhượng mà các bên không thực hiện mới phải bồi thường. Nay ông K đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc theo yêu cầu của bà P, yêu cầu ông T, bà P trả tiền cọc 40.000.000 đồng và đền cọc số tiền 80.000.000 đồng. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng thì ông K đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Ông Đặng Thanh T có chị Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông T thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông K, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

[2] Ngày 20/5/2021 ông T và ông K thỏa thuận ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 205m^2, thuộc một phần thửa 1738, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299) (nay là thửa 175, tờ bản đồ số 1 diện tích 352,6m^2 đất trồng cây lâu năm do Sở T1 cấp ngày 23/5/2022 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim P), đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp với giá 580.000.000 đồng, ông K đã đặt cọc số tiền 40.000.000 đồng, sau khi chuyển thổ xong thì ông K sẽ giao đủ số tiền còn lại, có chữ ký và ghi họ và tên của ông T, ông K. Hai bên chưa giao nhận đất. Khi bà P biết ông T giao kết hợp đồng thì bà P cũng đồng ý cùng ông T thực hiện hợp đồng đặt cọc. Đồng thời, các bên thống nhất xác định số thửa 738 ghi trên hợp đồng là do ghi nhầm của thửa 1738 và thỏa thuận giao cho ông K thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm lên đất thổ để đảm bảo thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã ủy quyền cho ông K thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sửa sai thông tin của bà P trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do không đủ diện tích đất tách thửa theo quy định nên cơ quan có thẩm quyền không cho tách thửa. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P, ông T và ông K đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc do lỗi khách quan. Xét thấy, đây là các tình tiết được bà P, ông K1 và ông T thừa nhận là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2021 giữa bà P, ông T với ông K nhận thấy: Các bên giao kết hợp đồng đặt cọc diện tích 205m^2, thuộc một phần thửa 1738, loại đất Vườn do hộ bà Nguyễn Thị Kim P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P, ông T và ông K thừa nhận ông K có tìm hiểu và đã biết trước diện tích đất chuyển nhượng 205m^2 không đủ diện tích để tách thửa theo quy định mà phải chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm lên đất thổ thì mới tách thửa thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được nên khi giao kết hợp đồng đặt cọc hai bên thống nhất thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng là sau khi đăng ký chuyển thổ xong ông K mới giao số tiền còn lại 540.000.000 đồng cho bà P, ông T. Đồng thời, bà P xác định ông K yêu cầu giao hồ sơ cho ông K đi tách thửa và cam kết sẽ thực hiện được nên bà P đã ủy quyền cho ông K thực hiện. Lời trình bày của bà P phù hợp với lời khai của ông K và các tài liệu có

trong hồ sơ vụ án thể hiện ông K là người thực hiện hồ sơ xin tách thửa đất, sửa sai thông tin của bà P trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông K cũng thừa nhận tại phiên tòa. Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có hiệu lực tại thời điểm giao kết hợp đồng thì đất tại nông thôn diện tích tối thiểu được tách thửa từ 700m^2 trở lên và các đương sự thừa nhận biết chưa đủ điều kiện giao kết hợp đồng nhưng vẫn thỏa thuận thực hiện. Tại Công văn số 9251/CNVPĐKĐ ĐHCL-KTĐC ngày 07/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trả lời không thực hiện chuyển thổ theo yêu cầu của bà P được do chưa có chủ trương và trả lại hồ sơ cho bà P. Bên cạnh đó, sau khi hộ bà P được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/5/2022 các bên không thỏa thuận thay đổi nội dung số thửa, diện tích chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cũng thừa nhận không có thỏa thuận trong trường hợp không chuyển mục đích sử dụng lên đất thổ, không tách thửa được thì ai sẽ có trách nhiệm bồi thường tiền cọc; đồng thời tại Điều 3 cam kết chung của hai bên là quy định trách nhiệm phạt cọc khi đã đủ điều kiện chuyển nhượng mà một trong hai bên không thực hiện nghĩa vụ thì phải bị phạt cọc gấp 3 lần. Vì vậy, hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2021 giữa các bên bị vô hiệu ngay tại thời điểm giao kết hợp đồng do có đối tượng không thể thực hiện được, là lỗi khách quan nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 117, 122 và 131 của Bộ luật dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông K phạt cọc số tiền 120.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn bà P, ông T đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông K nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tại Công văn số 12221/CNVPĐKĐĐHCL-CCTT ngày 11/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C cung cấp thông tin:…*Đất tại nông thôn: Diện tích tối thiểu từ 700m^2 trở lên", trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tách thửa đất nông nghiệp để chuyển quyền thì phải đảm bảo điều kiện về diện tích tối thiểu theo quy định*…Do các đương sự thỏa thuận chuyển nhượng không đủ diện tích đất theo quy định nên các đương sự không thể tiếp tục thực hiện được hợp đồng.

[5] Ông K kháng cáo yêu cầu phạt cọc số tiền 120.000.000 đồng (trong đó có 40.000.000 đồng tiền cọc và 80.000.000 đồng phạt cọc): Xét thấy như đã phân tích nêu trên hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2021 bị vô hiệu ngay từ thời điểm giao kết hợp đồng, bà P, ông T đồng ý trả lại cho ông K số tiền đặt cọc

40.000.000 đồng và hỗ trợ 5.000.000 đồng là có căn cứ và có lợi cho ông K. Ông K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông K có yêu cầu phạt cọc số tiền 80.000.000 đồng nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thì ông K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đồng thời ông K không thuộc trường hợp được miễn án phí nên sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Công K.

Sửa bản án sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1. Căn cứ các Điều 116, 117, 123, 131, 328, 429, 500, 501, 503 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 39, 147, 184, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P và yêu cầu độc lập của ông Đặng Thanh T.

Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2021 giữa bà Nguyễn Thị Kim P, ông Đặng Thanh T với ông Phan Công K bị vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Công K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P thường gấp 03 lần số tiền đặt cọc theo như thỏa thuận với số tiền 120.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Đặng Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Phan Công K số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

và số tiền tự nguyện hỗ trợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tổng cộng là 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Phan Công K phải chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 600.000 đồng ông K nộp tạm ứng án phí theo các Biên lai thu số 0014639 ngày 14/11/2022 và số 0000178 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trừ vào tiền án phí. Ông K còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 đồng.

4. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- CCTHADS H. Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Minh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh